



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thông tin chung**

**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào bán**  
**Chứng chỉ quỹ ra công chúng số**

02/GCN-UBCK cấp ngày 10 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra Công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập**  
**Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở số**

11/GCN-UBCK cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

**Ban Đại Diện Quỹ**

Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý  
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower  
Số 9-11 Tôn Đức Thắng  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Cung Trần Việt, Thành viên Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Cung Trần Việt  
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư 183 và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

#### **I. Thông tin chung về Quỹ**

##### **1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### **2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Quỹ tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 0,23% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

##### **3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

##### **4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

##### **5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 74.642.489.329 VND.
- Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 6.351.545,52 Chứng chỉ quỹ.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):**

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 2.000 VND/Chứng chỉ quỹ.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản Quỹ:**

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)
1. Danh mục chứng khoán	65,32	67,04	62,15
2. Tài sản khác	34,68	32,96	37,85
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	74.642.489.329	74.816.350.778	67.839.106.565
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.351.545,52	5.961.553,96	5.930.060,19
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	11.751,86	12.549,81	11.439,87
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	12.714,52	13.403,81	12.865,72
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.339,97	11.482,60	10.249,09
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(6,36%)	9,70%	5,92%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	126,85%	2,92%	(49,35%)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(133,21%)	6,78%	55,27%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	1.000	700
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	884	662
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	21/12/2017	29/12/2016
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,18%	2,23%	2,28%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	1,68	1,58	1,92

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	(6,36%)	(6,36%)
- 3 năm	8,81%	44,49%
- Từ khi thành lập	17,52%	69,49%

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

Thời kỳ	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(6,36%)	9,70%	5,92%

**III. Mô tả thị trường trong năm:**

Kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt mức tăng trưởng ổn định trong năm 2018, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro từ thị trường quốc tế. Chi tiết được thể hiện qua các chỉ số vĩ mô:

**GDP cả năm 2018 đạt 7,08%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 11 năm qua**

GDP cả năm 2018 đạt 7,08%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn là động lực tăng trưởng chính, đóng góp 48,6% vào mức tăng trưởng chung. Tăng trưởng GDP cả năm được đóng góp bởi GDP quý 4 với mức tăng 7,31%, và GDP 9 tháng đầu năm với mức phát triển 6,98% so với cùng kỳ năm 2017.

**CPI bình quân được kiểm soát dưới 4%**

Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 - gần bằng mức lạm phát năm 2017, và dưới mục tiêu Chính phủ đề ra. Mức tăng CPI bình quân này đạt được trong bối cảnh đa số giá các mặt hàng do Chính phủ quản lý đã được điều chỉnh; gồm có: giá dịch vụ y tế, khám chữa bệnh - tăng 13,86%; giá dịch vụ giáo dục - tăng 7,12% và tăng lương tối thiểu vùng cho người lao động.

**Giải ngân vốn FDI tiếp tục ghi nhận kỷ lục mới**

Tổng vốn FDI đăng ký, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài là 35,46 tỷ USD, giảm nhẹ 1,2% so với năm 2017. Vốn FDI giải ngân năm 2018 đạt 19,10 tỷ USD, chính thức vượt mức 17,5 tỷ USD của năm 2017, và ghi nhận tăng trưởng 9,1%. Công nghiệp chế biến - chế tạo tiếp tục là ngành thu hút FDI mạnh mẽ nhất với 16,58 tỷ USD, chiếm 46,7% tổng vốn đầu tư đăng ký.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

#### **Xuất siêu kỷ lục**

Tính hết năm 2018, tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt hơn 482 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2017. Trong đó, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng chậm hơn mức tăng kỷ lục của năm 2017 (mức tăng 21%). Cụ thể, cán cân thương mại nghiêng về xuất khẩu đạt mức tăng 14,5% so với cùng kỳ 2017; nhập khẩu tăng chậm hơn với mức tăng 12,5% so với cùng kỳ, dẫn đến mức thặng dư 7,2 tỷ USD. Với giá trị này, năm 2018 là năm thứ ba liên tiếp đánh dấu Cán cân thương mại duy trì trạng thái xuất siêu với mức thặng dư cao nhất.

#### **Tăng trưởng tín dụng thấp nhất trong vòng 04 năm**

Tăng trưởng tín dụng đến cuối năm 2018 đạt mức 14%, thấp hơn mục tiêu 17% đã đề ra, và cũng là mức thấp nhất ghi nhận kể từ mức tăng 12,52% của năm 2013. Cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tích cực với sự ưu tiên dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, tín dụng cho lĩnh vực thương mại dịch vụ đứng đầu với mức tăng trưởng 16%; tín dụng cho lĩnh vực công nghiệp xây dựng tăng 12,1%; tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp tăng hơn 8,8%.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các ngân hàng đến cuối năm 2018 còn 1,89%, giảm so với 2,46% cuối năm 2016 và 1,99% cuối năm 2017. Đây cũng là tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp nhất kể từ năm 2012 - thời điểm nợ xấu ngân hàng bắt đầu được nhận diện đầy đủ theo các tiêu chuẩn phân loại nợ. Đồng thời, dự phòng rủi ro tín dụng cuối năm 2018 tăng khoảng 30,1% so với cuối năm 2017, đưa tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng nợ xấu cải thiện lên mức 78,2% so với mức 65,4% thời điểm cuối năm 2017.

#### **Tỷ giá được kiểm soát thành công**

Trước sự lạc quan về triển vọng kinh tế Mỹ, FED chính thức nâng lãi suất lần thứ 3 vào tháng 09 năm 2018 lên mức 2,25%, và lần thứ 4 vào tháng 12 năm 2018 lên mức 2,5%. Tính đến cuối năm 2018, FED đã có 9 lần tăng lãi suất kể từ tháng 12 năm 2015. Tính chung cả năm 2018, VND mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD, thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%, 5,7% và 5,4%. Chênh lệch giữa lãi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam và Mỹ đã giảm xuống mức thấp kỷ lục trong quý 2 năm 2018, và được nới rộng đáng kể trong quý 3 và quý 4 năm 2018 dưới sức ép của việc FED thắt chặt chính sách tiền tệ.

#### **Chỉ số VNIndex trải qua một năm khó khăn sau khi đạt mức tăng trưởng kỷ lục trong năm 2017**

Đầu tháng 4 năm 2018, VNIndex chính thức vượt đỉnh năm 2007 với mốc 1.170 điểm, với dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đưa VNIndex trở thành chỉ số chứng khoán tăng mạnh nhất thế giới. Tuy nhiên, trước các diễn biến bất lợi từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, FED tăng lãi suất, VNIndex đã điều chỉnh mạnh và chạm mốc 885 điểm, sau đó kéo dài chuỗi ngày điều chỉnh với hỗ trợ từ lực cầu quanh mốc 880 điểm. Với mức giảm 9,3% của VNIndex, P/E của thị trường chứng khoán Việt Nam điều chỉnh từ mức 18,9x đầu năm về 15,6x.

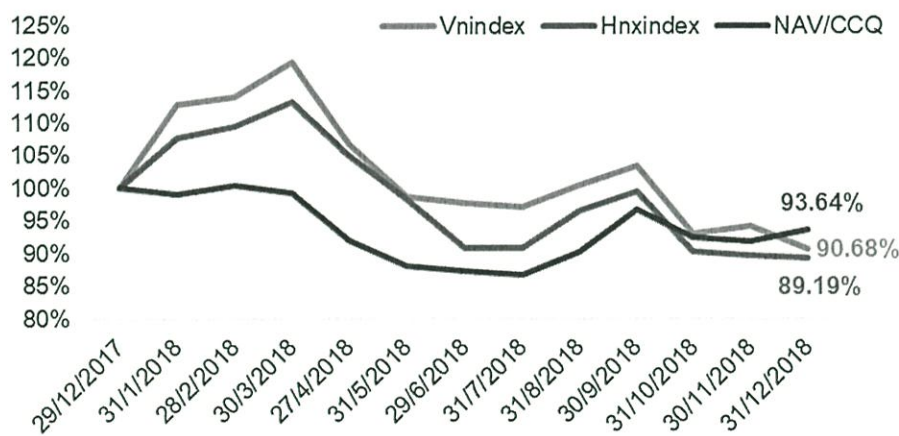
**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:**

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(133,21%)	(205,16%)	(199,40%)
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	126,85%	213,97%	216,92%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(6,36%)	8,81%	17,52%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	(6,36%)	44,49%	69,49%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong năm 2018:



Tăng trưởng Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ của VCAMBF tốt hơn so với 2 chỉ số VNIndex và HNXIndex.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1)-(2))/(2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	74.642.489.329	74.816.350.778	(0,23%)
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ	11.751,86	12.549,81	(6,36%)

Giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ cùng giảm nhẹ.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại 31/12/2018:**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	96	79.347,36	1,25%
Từ 5.000 - 10.000	13	118.607,22	1,87%
Từ 10.000 đến 50.000	3	105.951,86	1,67%
Từ 50.000 đến 500.000	3	644.681,37	10,15%
Trên 500.000	1	5.402.957,71	85,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>116</b>	<b>6.351.545,52</b>	<b>100,00%</b>

**5. Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Sức khỏe nền kinh tế tăng trưởng tốt trong năm 2018, Dự thảo Luật Chứng Khoán sửa đổi được đẩy mạnh tiến hành, tổ chức FTSE Russell đưa Việt Nam vào danh sách chờ nâng hạng... là các thông tin tích cực hỗ trợ thị trường vào quý đầu năm. Tuy nhiên, với tình hình kinh tế quốc tế có chiều hướng xấu dần, đặc biệt là các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc; cùng diễn biến khó lường từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã đẩy thị trường chứng khoán quốc tế biến động theo xu hướng giảm điểm kéo dài trong suốt 3 quý còn lại của năm 2018. Thị trường chứng khoán Việt Nam không đứng ngoài xu hướng chung đó.

Thế giới dự đoán tăng trưởng toàn cầu chậm lại, căng thẳng Mỹ Trung leo thang khó lường, EU bất ổn, giá dầu biến động, xu hướng thắt chặt tiền tệ sẽ khiến bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2019 sẽ chuyển gam màu tối hơn. Tuy nhiên, nội tại nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định và sẽ là yếu tố giữ thị trường không biến động quá mạnh trước các ảnh hưởng từ thông tin quốc tế.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Mặc dù vậy, năm 2019 được dự đoán sẽ là một năm khó khăn đối với chỉ số VNIndex. Cụ thể, các nhóm ngành có độ nhạy khá lớn với chu kỳ kinh tế như tài chính, ngân hàng, bất động sản dễ bị tác động; trong khi đó, vốn hoá thị trường của các nhóm này chiếm tỷ trọng khá lớn đối với VNIndex, gây ảnh hưởng đến diễn biến của thị trường chứng khoán trong nước. Điểm sáng nổi bật trong năm 2019, có thể thu hút dòng tiền là nhóm ngành phòng thủ, hưởng lợi từ các sự kiện trên thế giới như ngành tiện ích cộng đồng, cảng biển logistic, thủy sản, dệt may.

**VI. Thông tin khác**

**1. Nhân sự điều hành Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Nguyễn Minh Tùng	Giám đốc Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Université Libre de Bruxelles (Vương quốc Bỉ)  Cử nhân Thương mại Quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)	Ông Tùng có 25 năm kinh nghiệm liên tục trong ngành ngân hàng và đầu tư tài chính.  Trước khi gia nhập Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“VCAM”), ông Tùng làm việc tại EASTSPRING Investments Fund Management Company (một công ty của Prudential PLC, Anh Quốc). Tại đây, ông giữ chức vụ Giám đốc Phát triển các sản phẩm quỹ và là thành viên Hội đồng Đầu tư của Quỹ Eastspring Navigator Fund. Ông Tùng còn là Giám đốc Điều hành kiêm Tổng điều hành Đầu tư của Công ty quản lý quỹ đầu tư Nhân Việt (Tigers Alliance Fund Management, thành viên của Centaurus Capital, London) đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2009 – 2012. Ông cũng từng đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt từ năm 2007 đến 2009.  Từ năm 2004 đến 2007, ông là Giám đốc Đầu tư và Điều hành của Tập đoàn Phát triển Bất động sản Paragon Holding Corporation. Từ năm 1999 đến 2004, ông Tùng là Quản trị Đầu tư Cao cấp cho Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) thuộc Ngân hàng Thế giới.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
			Trước đó, ông Tùng đã có 6 năm kinh nghiệm với vai trò Chuyên viên Cao cấp tài trợ doanh nghiệp của Ngân hàng FirstVina Bank (nay là ngân hàng Shinhanbank).
Bà Trần Đỗ Quyên	Trưởng bộ phận kế toán Quỹ	Cử nhân ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management	Gia nhập VCAM từ năm 2011, bà Đỗ Quyên có kinh nghiệm trong thị trường tài chính và quản trị quỹ đầu tư chứng khoán. Bà đã có kinh nghiệm quản trị các quỹ đầu tư thành viên và quỹ mở của VCAM, bao gồm các quỹ như VCF, VCHF và VCAMBF.

**2. Ban Đại diện Quỹ**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Thương mại của Curtin University of Western Australia  Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“VCSC”).

**3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)  Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ	Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên sáng lập của VCAM và VCSC. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), Bà Phượng được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012. Trong vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, Bà Phượng chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều hành với mục tiêu đưa Viet Capital Bank trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường.  Bà Phượng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những Nhà Đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập Viet Capital, Bà giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Luân Đôn.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, Ông là Giảng Viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, Ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)  Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)	Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.  Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
<p>Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard</p> <p>Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern</p> <p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ</p>	<p>Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, Ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam.</p> <p>Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty cổ phần Vật Giá, Công ty cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.</p>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Hợp Phố	Thành viên Hội đồng quản trị	<p>Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.</p> <p>Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.</p>	<p>Ông Phố hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Ông phụ trách các dự án Private Equity M&amp;A của Công ty. Ông có 11 năm kinh nghiệm làm việc tại quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>Trước khi gia nhập VCAM, ông Phố giữ chức vụ Phó Chủ Tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net, chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhạcCuatui.com, Webtretho.com...</p> <p>Trước đó, ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.</p>



Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt *anh*

Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều lệ Quỹ quy định: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 07 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trên tổng tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá thị trường trong danh mục đầu tư của Quỹ; Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; Quỹ thực hiện đầu tư 276,000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (mã chứng khoán HVH) tại ngày 03 tháng 12 năm 2018 (từ ngày 04 tháng 12 năm 2018 đến ngày 06 tháng 12 năm 2018, Quỹ không thực hiện bất kỳ giao dịch đầu tư vào cổ phiếu HVH). Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Tại kỳ định giá ngày 14 tháng 12 năm 2018, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá ngày 21 tháng 12 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.



d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quý không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Lê Sỹ Hoàng**

**Trưởng phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Vũ Hương Giang**

**Phụ trách Bộ phận Giám sát**



147-C.T.T.N.H.H  
HÀNG  
HỮU HẠN  
H VIÊN  
ARTERED  
NAM)  
A-T.PHẠ NỘI





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quý”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 21 đến trang 67.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.





Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở ("Thông tư 183") và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018.



Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B01 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>(3.103.152.337)</b>	<b>14.799.700.660</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	14	1.496.794.000	2.575.067.200
1.2	Tiền lãi được nhận	03	14	820.638.853	622.972.210
1.3	(Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	04	15	(3.593.229.750)	8.016.774.112
1.4	Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	16	(1.827.355.440)	3.584.449.638
1.5	Doanh thu khác	06		-	437.500
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>353.119.131</b>	<b>354.941.893</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	17	353.119.131	354.941.893
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>1.619.357.563</b>	<b>1.679.797.614</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	21	668.380.970	680.171.505
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	18	240.541.810	280.346.203
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	21	234.780.000	234.780.000
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	21	134.160.000	134.160.000
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		132.000.000	132.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		113.170.669	124.260.950
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	19	96.324.114	94.078.956
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>(5.075.629.031)</b>	<b>12.764.961.153</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>(5.075.629.031)</b>	<b>12.764.961.153</b>
6.1	(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	31		(3.248.273.591)	9.180.511.515
6.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	32		(1.827.355.440)	3.584.449.638
<b>VIII</b>	<b>(LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>(5.075.629.031)</b>	<b>12.764.961.153</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Ông Cung Trần Việt  
Kế toán trưởngÔng Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B02 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24.815.856.847</b>	<b>18.342.304.171</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		4.497.148.813	6.324.096.408
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		20.318.708.034	12.018.207.763
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>48.890.142.000</b>	<b>55.758.150.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	48.890.142.000	55.758.150.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.135.167.919</b>	<b>1.617.000.580</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	919.618.500	1.318.013.410
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	7	215.549.419	298.987.170
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136		215.549.419	298.987.170
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>74.841.166.766</b>	<b>75.717.454.751</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	-	623.604.005
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313		506.019	100.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		701.204	600.000
5	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315	9	-	257.724
6	Chi phí phải trả	316	10	81.200.000	81.200.000
7	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317		-	50.000.000
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	11	116.270.214	145.342.244
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 317 + 319)</b>	<b>300</b>		<b>198.677.437</b>	<b>901.103.973</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B02 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>74.642.489.329</b>	<b>74.816.350.778</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>12</b>	<b>63.515.455.252</b>	<b>59.615.539.652</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		67.944.463.052	63.789.669.252
1.2	Vốn góp mua lại	413		(4.429.007.800)	(4.174.129.600)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>12</b>	<b>1.028.209.345</b>	<b>26.357.363</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>13</b>	<b>10.098.824.732</b>	<b>15.174.453.763</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>12</b>	<b>11.751,86</b>	<b>12.549,81</b>
<b>V</b>	<b>LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>440</b>			
1	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	441		-	5.961.553.960
2	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		11.894.947.459	11.894.947.459
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>31/12/2018 CCQ</b>	<b>31/12/2017 CCQ</b>
4	Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	12	6.351.545,52	5.961.553,96

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Ông Cung Trần Việt  
Kế toán trưởngÔng Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B03 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	2018 VND	2017 VND
<b>I</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm</b>	<b>74.816.350.778</b>	<b>67.839.106.565</b>
<b>II</b>	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>(5.075.629.031)</b>	<b>6.803.407.193</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	(5.075.629.031)	12.764.961.153
II.2	Thay đổi NAV của Quỹ do phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư trong năm	-	(5.961.553.960)
<b>III</b>	<b>Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ</b>	<b>4.901.767.582</b>	<b>173.837.020</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	5.193.900.000	3.805.875.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(292.132.418)	(3.632.037.980)
<b>IV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)</b>	<b>74.642.489.329</b>	<b>74.816.350.778</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởngÔng Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B04 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2018 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2018 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM</b>				
1	ACB	100.000	29.600	2.960.000.000	3,96%
2	AMV	199.000	38.000	7.562.000.000	10,10%
3	FPT	156.000	42.200	6.583.200.000	8,80%
4	HPG	90.000	30.950	2.785.500.000	3,72%
5	HVH	276.000	21.650	5.975.400.000	7,98%
6	MBB	100.000	19.450	1.945.000.000	2,60%
7	NLG	102.000	25.800	2.631.600.000	3,52%
8	PC1	90.540	24.800	2.245.392.000	3,00%
9	PNJ	94.000	93.200	8.760.800.000	11,70%
10	POW	200.000	16.000	3.200.000.000	4,28%
11	SBV	80.000	15.000	1.200.000.000	1,60%
12	VSC	75.000	40.550	3.041.250.000	4,06%
		1.562.540		48.890.142.000	65,32%
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư			919.618.500	1,23%
2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			215.549.419	0,29%
				1.135.167.919	1,52%
<b>VI</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			24.815.856.847	33,16%
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>				
				<b>74.841.166.766</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B05 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(5.075.629.031)</b>	<b>12.764.961.153</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>02</b>		<b>1.827.355.440</b>	<b>(3.584.449.638)</b>
Chênh lệch giảm/(tăng) thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		1.827.355.440	(3.584.449.638)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>		<b>(3.248.273.591)</b>	<b>9.180.511.515</b>
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư	20		5.040.652.560	(3.516.268.712)
Giảm phải thu về bán các khoản đầu tư	06		398.394.910	1.488.622.811
Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		83.437.751	(201.242.086)
Giảm phải trả về mua các khoản đầu tư	10		(623.604.005)	(643.794.245)
Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11		406.019	100.000
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		101.204	-
(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14		(50.000.000)	50.000.000
Tăng phải trả, phải nộp khác	16		-	10.000.000
(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		(29.072.030)	7.696.001
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>		<b>1.572.042.818</b>	<b>6.375.625.284</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	31	12	5.193.900.000	3.805.875.000
Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	32	12	(292.132.418)	(3.632.037.980)
Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư	35	9	(257.724)	(10.112.338.369)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>		<b>4.901.509.858</b>	<b>(9.938.501.349)</b>
<b>Tăng/(giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>40</b>		<b>6.473.552.676</b>	<b>(3.562.876.065)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B05 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>	<b>4</b>	<b>18.342.304.171</b>	<b>21.905.180.236</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	51		18.342.304.171	21.905.180.236
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		6.274.096.408	11.980.295.406
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52		12.018.207.763	9.924.884.830
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	53		50.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>24.815.856.847</b>	<b>18.342.304.171</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	56		24.815.856.847	18.342.304.171
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		4.497.148.813	6.274.096.408
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57		20.318.708.034	12.018.207.763
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	58		-	50.000.000
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>	<b>60</b>		<b>6.473.552.676</b>	<b>(3.562.876.065)</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Người duyệt:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014. Theo Giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo Giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 VND tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 4) vào tháng 4 năm 2018.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower, Số 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- (ii) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định trong Điều lệ Quỹ;



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- (iv) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- (v) Quỹ không đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- (ix) Quỹ không được trực tiếp đầu tư vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Theo Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, trừ trường hợp quy định tại điểm (vii), (viii) và (ix) bên trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (iii) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iv) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (v) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quỹ;
- (vi) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

#### **Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu “ngày định giá” theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

#### **Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hai (02) lần/một (01) tháng vào ngày thứ sáu thứ nhất và thứ sáu thứ ba của tháng (“ngày giao dịch”). Trường hợp ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang thứ sáu của tuần kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(b) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong năm.

#### **(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư này được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

#### **(iii) Xác định giá trị**

Theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC và Thông tư số 15/2016/TT-BTC, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

#### **Cổ phiếu**

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội:  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba (03) tháng trước ngày định giá; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
- Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM:  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.  
Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba (03) tháng trước ngày định giá; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
- Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch:  
Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- **Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:**  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cùng cấp.  
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
  - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
  
- **Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:**  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cùng cấp.  
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
  
- **Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:**  
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
  
- **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:**  
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### **Quyền mua chứng khoán**

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị thị trường (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

#### **(iv) Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích lập dự phòng</b>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo thu nhập trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi.

#### **(d) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(e) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(f) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

#### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

##### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(g) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

##### ***Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

##### ***Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư 25 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế khấu trừ áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(h) Các giao dịch về vốn, thặng dư vốn và lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối**

##### **(i) Vốn góp của Nhà đầu tư**

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

##### ***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

##### ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

##### **(ii) Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư**

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

##### **(iii) Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối**

Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện.

Lỗ/lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lỗ/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư**

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

#### **(i) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở**

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các Chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ đồng thời cũng phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chỉ thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Cổ tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

#### **(j) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

#### **(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(k) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

#### **(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

#### **(m) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

#### **(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### (o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

#### 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	4.497.148.813	6.274.096.408
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	-	50.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.497.148.813	6.324.096.408
	<hr/>	<hr/>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	15.318.708.034	4.009.041.096
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.000.000.000	5.009.166.667
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	-	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	20.318.708.034	12.018.207.763
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24.815.856.847	18.342.304.171



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch do đánh giá lại trong năm Chênh lệch giảm VND [4]	Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.760.506.884	48.890.142.000	4.231.764.076	(5.102.128.960)	48.890.142.000
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.801.159.444	50.758.150.000	3.755.221.595	(2.798.231.039)	50.758.150.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
	54.801.159.444	55.758.150.000	3.755.221.595	(2.798.231.039)	55.758.150.000

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### 6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	919.618.500	1.318.013.410

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

#### 7. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Dự thu cổ tức	75.200.000	212.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	140.349.419	86.987.170
	215.549.419	298.987.170

#### 8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

Số dư phải trả về mua các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

#### 9. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư

Số dư phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện số tiền bị trả lại tài khoản chuyên dùng của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát do Nhà đầu tư thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng nhận cổ tức. Khoản phải trả này đã được Quỹ chuyển trả cho Nhà đầu tư trong năm 2018.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí kiểm toán	65.000.000	55.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên	-	10.000.000
	<hr/>	<hr/>
	81.200.000	81.200.000
	<hr/>	<hr/>

**11. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí quản lý Quỹ	57.625.214	59.597.244
Phí giám sát Quỹ	19.565.000	19.565.000
Phí quản trị Quỹ	11.180.000	11.180.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	33.000.000
Phí lưu ký chứng khoán	10.750.000	10.750.000
Phí giao dịch chứng khoán	6.150.000	11.250.000
	<hr/>	<hr/>
	116.270.214	145.342.244
	<hr/>	<hr/>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***12. Vốn góp của Nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương ứng với 5.431.408,96 Chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một Chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	<b>Đơn vị</b>	<b>Tại ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Phát sinh trong năm VND</b>	<b>Tại ngày 31/12/2018 VND</b>
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	6.378.966,92	415.479,38	6.794.446,30
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	63.789.669.252	4.154.793.800	67.944.463.052
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	847.545.300	1.039.106.200	1.886.651.500
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	64.637.214.552	5.193.900.000	69.831.114.552
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(417.412,96)	(25.487,82)	(442.900,78)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(4.174.129.600)	(254.878.200)	(4.429.007.800)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(821.187.937)	(37.254.218)	(858.442.155)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(4.995.317.537)	(292.132.418)	(5.287.449.955)
<b>Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>	CCQ	<b>5.961.553,96</b>		<b>6.351.545,52</b>
<b>Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>	VND	<b>59.615.539.652</b>	<b>3.899.915.600</b>	<b>63.515.455.252</b>
<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>	VND	<b>26.357.363</b>	<b>1.001.851.982</b>	<b>1.028.209.345</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>	VND	<b>15.174.453.763</b>	<b>(5.075.629.031)</b>	<b>10.098.824.732</b>
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	VND	<b>74.816.350.778</b>		<b>74.642.489.329</b>
<b>NAV hiện hành/1 Chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>	VND/ CCQ	<b>12.549,81</b>		<b>11.751,86</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***13. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong năm	15.174.453.763 (5.075.629.031)	8.371.046.570 12.764.961.153
Trong đó		
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(3.248.273.591)	9.180.511.515
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(1.827.355.440)	3.584.449.638
Chia cổ tức	-	(5.961.553.960)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>10.098.824.732</u>	<u>15.174.453.763</u>

**14. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Cổ tức được chia trong năm		
Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận	1.421.594.000	2.363.067.200
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	75.200.000	212.000.000
	<u>1.496.794.000</u>	<u>2.575.067.200</u>
Tiền lãi được nhận trong năm		
Tiền lãi phát sinh trong năm đã nhận	680.289.434	535.985.040
Dự thu lãi chưa đến ngày nhận	140.349.419	86.987.170
	<u>820.638.853</u>	<u>622.972.210</u>
	<u>2.317.432.853</u>	<u>3.198.039.410</u>

**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**15. Lãi bán các khoản đầu tư**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2018 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2017 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	122.948.022.310	126.541.252.060	(3.593.229.750)	18.955.526.694	22.548.756.444

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2017 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2016 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	121.131.533.600	113.114.759.488	8.016.774.112	22.548.756.444	14.531.982.332





**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**16. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2018		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2017		Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31/12/2018		
	VND	[1]	VND	[2]	VND	[3] = [2] - [1]		VND	[4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.760.506.884	[1]	48.890.142.000	[2]	(870.364.884)	956.990.556	(1.827.355.440)		

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2017		Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2016		Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31/12/2017		
	VND	[1]	VND	[2]	VND	[3] = [2] - [1]		VND	[4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.801.159.444	[1]	50.758.150.000	[2]	956.990.556	(2.627.459.082)	3.584.449.638		



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí môi giới mua cổ phiếu	179.738.408	171.448.551
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	171.672.008	181.697.312
Chi phí giao dịch thanh toán bù trừ	1.708.715	1.796.030
	<hr/>	<hr/>
	353.119.131	354.941.893
	<hr/>	<hr/>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Trong năm, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo [1]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND [5]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm [6] = [4]/[5][%]		Phí giao dịch bình quân [7]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không có liên quan	98.778.809.500	234.273.598.500	42,16%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không có liên quan	96.487.458.000	234.273.598.500	41,19%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	19.208.390.000	234.273.598.500	8,20%	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không có liên quan	19.798.941.000	234.273.598.500	8,45%	0,15%	0,15%-0,50%
	<b>Tổng</b>		<b>234.273.598.500</b>		<b>100,00%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chi tiền gửi, thực hiện quyền, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty TNHH Chứng khoán SSI	Không liên quan	100.102.960.600	235.430.015.300	42,52%	0,15%	0,15%-0,25%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	100.604.010.600	235.430.015.300	42,73%	0,15%	0,15%-0,25%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	34.723.044.100	235.430.015.300	14,75%	0,15%	0,15%-0,25%
	<b>Tổng</b>		<b>235.430.015.300</b>			<b>100,00%</b>	

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***18. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát	129.000.000	129.000.000
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát	103.950.000	144.750.000
Phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	7.591.810	6.596.203
	<hr/>	<hr/>
	240.541.810	280.346.203
	<hr/>	<hr/>

**19. Chi phí hoạt động khác**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000
Phí ngân hàng	13.224.114	12.078.956
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	10.000.000	10.000.000
Phí lập danh sách thực hiện quyền	1.100.000	-
	<hr/>	<hr/>
	96.324.114	94.078.956
	<hr/>	<hr/>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**20. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2018			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
	31/12/2017	74.816.350.778	5.961.553,96	12.549,81	
1	04/01/2018	74.818.314.551	5.961.553,96	12.550,14	0,33
2	11/01/2018	75.969.678.133	5.975.031,87	12.714,52	164,38
3	18/01/2018	74.942.233.437	5.975.031,87	12.542,57	(171,95)
4	25/01/2018	78.776.666.792	6.331.615,22	12.441,80	(100,77)
5	31/01/2018	78.779.376.064	6.331.615,22	12.442,22	0,42
6	01/02/2018	78.651.263.632	6.331.615,22	12.421,99	(20,23)
7	08/02/2018	75.964.762.259	6.332.416,21	11.996,17	(425,82)
8	15/02/2018	78.098.622.231	6.332.416,21	12.333,15	336,98
9	22/02/2018	79.116.818.625	6.332.416,21	12.493,94	160,79
10	28/02/2018	79.814.147.885	6.332.416,21	12.604,06	110,12
11	01/03/2018	79.524.432.825	6.332.416,21	12.558,31	(45,75)
12	08/03/2018	79.388.012.198	6.336.377,73	12.528,93	(29,38)
13	15/03/2018	79.852.555.582	6.336.377,73	12.602,24	73,31
14	22/03/2018	79.832.754.229	6.355.326,73	12.561,55	(40,69)
15	29/03/2018	78.865.814.978	6.355.326,73	12.409,40	(152,15)
16	31/03/2018	79.412.685.280	6.355.326,73	12.495,45	86,05
17	05/04/2018	80.495.780.614	6.355.326,73	12.665,88	170,43
18	12/04/2018	79.322.510.697	6.359.254,60	12.473,55	(192,33)
19	19/04/2018	76.332.017.948	6.359.254,60	12.003,30	(470,25)
20	26/04/2018	72.377.177.997	6.359.254,60	11.381,39	(621,91)
21	30/04/2018	73.355.158.491	6.359.254,60	11.535,18	153,79
22	03/05/2018	72.821.979.413	6.359.254,60	11.451,34	(83,84)
23	10/05/2018	72.867.082.634	6.368.632,44	11.441,56	(9,78)
24	17/05/2018	72.903.700.693	6.368.632,44	11.447,31	5,75
25	24/05/2018	71.567.429.571	6.368.632,44	11.237,49	(209,82)
26	31/05/2018	70.496.317.389	6.368.632,44	11.069,30	(168,19)
27	07/06/2018	73.828.637.573	6.368.632,44	11.592,54	523,24
28	14/06/2018	73.632.068.860	6.368.632,44	11.561,68	(30,86)
29	21/06/2018	71.383.312.270	6.368.632,44	11.208,58	(353,10)
30	28/06/2018	70.173.523.800	6.368.632,44	11.018,62	(189,96)
31	30/06/2018	69.861.083.169	6.368.632,44	10.969,56	(49,06)
32	05/07/2018	65.851.472.788	6.368.632,44	10.339,97	(629,59)
33	12/07/2018	66.158.724.298	6.367.046,81	10.390,80	50,83
34	19/07/2018	69.397.398.050	6.367.046,81	10.899,46	508,66
35	26/07/2018	68.589.633.096	6.367.046,81	10.772,60	(126,86)
36	31/07/2018	69.339.816.048	6.367.046,81	10.890,42	117,82
37	02/08/2018	69.093.926.988	6.367.046,81	10.851,80	(38,62)
38	09/08/2018	69.669.634.999	6.367.046,81	10.942,22	90,42
39	16/08/2018	69.795.322.097	6.367.046,81	10.961,96	19,74



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**Năm kết thúc ngày 31/12/2018**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
40	23/08/2018	71.045.842.656	6.359.940,94	11.170,83	208,87
41	30/08/2018	72.194.018.925	6.359.940,94	11.351,37	180,54
42	31/08/2018	72.000.575.776	6.359.940,94	11.320,95	(30,42)
43	06/09/2018	71.376.081.696	6.359.940,94	11.222,76	(98,19)
44	13/09/2018	71.838.180.255	6.359.940,94	11.295,42	72,66
45	20/09/2018	73.909.587.968	6.359.940,94	11.621,11	325,69
46	27/09/2018	77.039.275.996	6.359.940,94	12.113,21	492,10
47	30/09/2018	77.234.172.247	6.359.940,94	12.143,85	30,64
48	04/10/2018	77.909.218.075	6.359.940,94	12.249,99	106,14
49	11/10/2018	75.600.600.199	6.359.940,94	11.887,00	(362,99)
50	18/10/2018	76.484.899.097	6.359.940,94	12.026,04	139,04
51	25/10/2018	73.218.531.412	6.359.940,94	11.512,45	(513,59)
52	31/10/2018	73.767.005.204	6.359.940,94	11.598,69	86,24
53	01/11/2018	72.979.773.552	6.359.940,94	11.474,91	(123,78)
54	08/11/2018	73.998.691.491	6.359.940,94	11.635,12	160,21
55	15/11/2018	71.819.293.824	6.359.940,94	11.292,45	(342,67)
56	22/11/2018	73.783.236.991	6.359.940,94	11.601,25	308,80
57	29/11/2018	73.194.280.710	6.359.940,94	11.508,64	(92,61)
58	30/11/2018	73.377.447.298	6.359.940,94	11.537,44	28,80
59	06/12/2018	76.796.282.255	6.359.940,94	12.075,00	537,56
60	13/12/2018	76.640.323.676	6.352.045,52	12.065,46	(9,54)
61	20/12/2018	74.529.235.741	6.352.045,52	11.733,11	(332,35)
62	27/12/2018	74.121.673.914	6.351.545,52	11.669,86	(63,25)
63	31/12/2018	74.642.489.329	6.351.545,52	11.751,86	82,00
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm					74.295.596.293
▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất					(629,59)
▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất					0,33

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Năm kết thúc ngày 31/12/2017**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ [3] = [1]/[2]
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
	31/12/2016	67.839.106.565	5.930.060,19	11.439,87	
1	05/01/2017	68.316.381.318	5.930.060,19	11.520,35	80,48
2	12/01/2017	68.998.854.292	5.930.060,19	11.635,44	115,09
3	19/01/2017	68.092.533.485	5.930.060,19	11.482,60	(152,84)
4	26/01/2017	69.480.632.487	5.930.060,19	11.716,68	234,08
5	31/01/2017	69.473.445.749	5.930.060,19	11.715,47	(1,21)
6	02/02/2017	69.968.624.232	5.930.060,19	11.798,97	83,50
7	09/02/2017	73.699.767.886	6.199.914,25	11.887,22	88,25
8	16/02/2017	74.053.198.162	6.199.914,25	11.944,23	57,01
9	23/02/2017	74.392.549.087	6.202.413,36	11.994,13	49,90
10	28/02/2017	73.725.085.366	6.202.413,36	11.886,52	(107,61)
11	02/03/2017	73.427.410.476	6.202.413,36	11.838,52	(48,00)
12	09/03/2017	73.894.552.457	6.202.413,36	11.913,84	75,32
13	16/03/2017	73.771.802.459	6.202.413,36	11.894,05	(19,79)
14	23/03/2017	74.461.690.779	6.204.504,74	12.001,23	107,18
15	30/03/2017	74.516.144.989	6.204.504,74	12.010,01	8,78
16	31/03/2017	74.446.845.179	6.204.504,74	11.998,84	(11,17)
17	06/04/2017	74.078.790.874	6.204.504,74	11.939,52	(59,32)
18	13/04/2017	74.346.816.605	6.204.504,74	11.982,72	43,20
19	20/04/2017	73.187.703.855	6.204.504,74	11.795,90	(186,82)
20	27/04/2017	73.437.548.093	6.204.504,74	11.836,17	40,27
21	30/04/2017	73.546.172.751	6.204.504,74	11.853,67	17,50
22	04/05/2017	73.768.495.264	6.204.504,74	11.889,51	35,84
23	11/05/2017	74.901.852.692	6.204.504,74	12.072,17	182,66
24	18/05/2017	74.463.167.314	6.204.504,74	12.001,47	(70,70)
25	25/05/2017	75.765.182.215	6.204.504,74	12.211,32	209,85
26	31/05/2017	75.852.034.907	6.204.504,74	12.225,32	14,00
27	01/06/2017	76.172.150.573	6.204.504,74	12.276,91	51,59
28	08/06/2017	76.946.324.336	6.204.504,74	12.401,69	124,78
29	15/06/2017	77.709.754.342	6.204.504,74	12.524,73	123,04
30	22/06/2017	78.128.065.281	6.204.504,74	12.592,15	67,42
31	29/06/2017	78.236.513.493	6.204.504,74	12.609,63	17,48
32	30/06/2017	78.400.890.400	6.204.504,74	12.636,12	26,49
33	06/07/2017	78.783.084.680	6.204.504,74	12.697,72	61,60
34	13/07/2017	78.633.380.298	6.204.504,74	12.673,60	(24,12)
35	20/07/2017	76.957.844.335	6.204.504,74	12.403,54	(270,06)
36	27/07/2017	77.023.180.980	6.204.504,74	12.414,07	10,53
37	31/07/2017	77.637.437.507	6.204.504,74	12.513,08	99,01
38	03/08/2017	77.464.318.112	6.204.504,74	12.485,17	(27,91)
39	10/08/2017	76.877.538.138	6.204.504,74	12.390,60	(94,57)
40	17/08/2017	76.918.137.032	6.204.504,74	12.397,14	6,54



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**Năm kết thúc ngày 31/12/2017**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
41	24/08/2017	77.048.330.940	6.204.504,74	12.418,13	20,99
42	31/08/2017	77.649.347.162	6.204.504,74	12.515,00	96,87
43	07/09/2017	77.457.982.632	6.204.504,74	12.484,15	(30,85)
44	14/09/2017	78.334.319.806	6.204.504,74	12.625,39	141,24
45	21/09/2017	75.956.150.851	5.956.232,17	12.752,38	126,99
46	28/09/2017	76.444.363.812	5.956.232,17	12.834,35	81,97
47	30/09/2017	76.687.043.771	5.956.232,17	12.875,09	40,74
48	05/10/2017	76.142.304.570	5.956.232,17	12.783,64	(91,45)
49	12/10/2017	76.687.739.097	5.956.232,17	12.875,21	91,57
50	19/10/2017	76.838.739.964	5.956.232,17	12.900,56	25,35
51	26/10/2017	75.510.889.115	5.956.232,17	12.677,63	(222,93)
52	31/10/2017	74.982.463.137	5.956.232,17	12.588,91	(88,72)
53	02/11/2017	73.874.240.727	5.956.232,17	12.402,85	(186,06)
54	09/11/2017	75.600.868.124	5.956.232,17	12.692,73	289,88
55	16/11/2017	77.421.757.124	5.956.232,17	12.998,45	305,72
56	23/11/2017	77.993.016.393	5.960.059,54	13.085,95	87,50
57	30/11/2017	79.544.676.584	5.960.059,54	13.346,29	260,34
58	07/12/2017	79.658.247.631	5.960.805,06	13.363,67	17,38
59	14/12/2017	79.196.142.395	5.960.805,06	13.286,15	(77,52)
60	21/12/2017	79.907.538.032	5.961.553,96	13.403,81	117,66
61	28/12/2017	74.363.905.437	5.961.553,96	12.473,91	(929,90)
62	31/12/2017	74.816.350.778	5.961.553,96	12.549,81	75,90

- Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 75.420.521.299
- Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất (929,90)
- Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất (1,21)

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 21. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

#### (a) Giao dịch với các bên liên quan

##### (i) Các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### *Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ*

	2018 VND	2017 VND
Phí quản lý Quỹ	668.380.970	680.171.505
Mua Chứng chỉ quỹ		
Số lượng Chứng chỉ quỹ	356.984,25	269.854,06
Giá trị theo mệnh giá	3.569.842.500	2.698.540.600
Thặng dư vốn	907.657.500	485.459.400

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá (2017: 0,9% một năm). Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán năm để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Chứng khoán của Quỹ*

	2018 VND	2017 VND
Phí môi giới	28.812.587	52.084.568

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là công ty chứng khoán của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Thu nhập từ lãi tiền gửi	616.428.705	120.789.239
Phí ngân hàng	669.214	-

**Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**(ii) Các hợp đồng then chốt khác****Giao dịch với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Phí dịch vụ giám sát	234.780.000	234.780.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	134.160.000	134.160.000
Phí lưu ký chứng khoán	129.000.000	129.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	103.950.000	144.750.000
Phí ngân hàng	12.532.900	12.078.956
	<b>614.422.900</b>	<b>654.768.956</b>

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>0,035% trên NAV mỗi năm;</li> <li>Mức phí giám sát tối thiểu là 19.565.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>NAV dưới 1.500 tỷ VND: 0,06% trên NAV mỗi năm;</li> <li>NAV từ 1.500 tỷ VND trở lên: 0,05% trên NAV mỗi năm;</li> <li>Mức phí lưu ký tối thiểu là 10.750.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Quản trị quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>0,02% trên NAV mỗi năm;</li> <li>Mức phí quản trị quỹ tối thiểu là 11.180.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>150.000 VND/giao dịch</li> </ul>

**(b) Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt</b>		
Phí quản lý quỹ phải trả	57.625.214	59.597.244
Số lượng Chứng chỉ quỹ đang nắm giữ	5.402.957,71	5.045.973,46
<b>Ngân hàng TMCP Bản Việt</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	15.318.708.034	4.009.041.096
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	-	5.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.034.351	49.731.477
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	4.497.148.813	6.324.096.408
Phí dịch vụ phải trả	47.645.000	52.745.000
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***22. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở**

	2018	2017
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong năm (%)	0,90%	0,90%
2 Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong năm (%)	0,64%	0,68%
3 Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong năm (%)	0,36%	0,35%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong năm (%)	0,15%	0,16%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong năm (%)	0,10%	0,10%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm (%)	2,18%	2,23%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong năm (%)	167,88%	158,29%

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	59.615.539.652	59.300.601.952
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu năm	5.961.553,96	5.930.060,19
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong năm	415.479,38	319.171,06
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá)	4.154.793.800	3.191.710.600
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong năm	(25.487,82)	(287.677,29)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(254.878.200)	(2.876.772.900)
<b>3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	63.515.455.252	59.615.539.652
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm	6.351.545,52	5.961.553,96
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối năm</b>		
	<b>96,00%</b>	<b>96,16%</b>
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối năm</b>		
	<b>97,35%</b>	<b>97,73%</b>
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối năm</b>		
	<b>0,28%</b>	<b>0,16%</b>
<b>7 Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm</b>		
	<b>116</b>	<b>113</b>
<b>8 NAV/đơn vị quỹ cuối năm</b>		
	<b>11.751,86</b>	<b>12.549,81</b>



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **23. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCoM của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại các ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu là chứng khoán niêm yết, chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCoM và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCoM được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày báo cáo thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả cho các đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	506.019	506.019	506.019
Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	116.270.214	116.270.214	116.270.214
	197.976.233	197.976.233	197.976.233
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	623.604.005	623.604.005	623.604.005
Phải trả cho các đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	100.000	100.000	100.000
Thu nhập phải trả cho Nhà đầu tư	257.724	257.724	257.724
Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	145.342.244	145.342.244	145.342.244
	850.503.973	850.503.973	850.503.973



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

##### **(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn và hưởng lãi suất cố định.

##### **(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

##### **(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCoM mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCoM của Quỹ là 48.890.142.000 VND (31/12/2017: 50.758.150.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (31/12/2017: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 4.889.014.200 VND (31/12/2017: 5.075.815.000 VND).

**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Các khoản đầu tư Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	48.890.142.000 48.890.142.000 -	48.890.142.000 48.890.142.000 -	55.758.150.000 50.758.150.000 5.000.000.000	55.758.150.000 50.758.150.000 5.000.000.000
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	24.815.856.847	24.815.856.847	18.342.304.171	18.342.304.171
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	919.618.500	919.618.500	1.318.013.410	1.318.013.410
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	215.549.419	215.549.419	298.987.170	298.987.170



**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	<b>31/12/2018</b>		<b>31/12/2017</b>	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	623.604.005	623.604.005
▪ Phải trả cho các đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	506.019	506.019	100.000	100.000
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	-	257.724	257.724
▪ Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000	81.200.000
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	-	50.000.000	50.000.000
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	116.270.214	116.270.214	145.342.244	145.342.244

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### (ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

#### 24. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá gần nhất (ngày 21 tháng 03 năm 2019) là 76.448.461.755 VND, tăng 2,42% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### 25. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 27 tháng 3 năm 2019.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc



